TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: **262**/2023/DS-PT Ngày 17/8/2023. V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* ".	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Thị Thu Hường.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Duy Thuấn.

2. Ông Hoàng Kim Khánh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trịnh Thị Bích Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở TAND tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do bản án dân sự sơ thẩm số 83/2023/DS-ST ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 191/2023/QĐPT-DS ngày 17/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2023/QĐPT-DS ngày 26/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mộng H, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số nhà 211 PBC, phường TN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đinh Thị V, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 1986; Ông Trương Chung H1, sinh năm 1973; Cùng địa chỉ: Số nhà 113 QT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Thái Th, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số nhà 09/3A, đường số 10, khu phố 02, phường HBC, thành phố TD, thành phố Hồ Chí Minh – có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phan Thành T – Công ty Luật KT, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 279A Nguyễn B, xã Phú X, huyện NB, thành phố Hồ Chí Minh – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 22/8/2018 bà Trần Thị Mộng H cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Hoàng O và ông Trương Chung H1 vay số tiền 4.000.000.000 đồng (bằng hình thức giao, nhận tiền mặt). Khi vay, bà O có viết "Giấy mượn tiền", tại giấy mượn tiền các bên không xác định thời hạn vay và lãi suất nhưng thỏa thuận miệng mức lãi suất 2%/tháng, khi nào bà H cần lấy lại tiền gốc thì phải thông báo cho bên vay trước 01 tháng. Sau khi vay, vợ chồng bà O và ông H1 đã trả được một số tháng tiền lãi, nhưng bà H không nhớ cụ thể số tiền đã trả vì không viết giấy biên nhận.

Từ đó đến nay, vợ chồng bà O và ông H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thực hiện việc trả nợ gốc và tiền lãi theo yêu cầu của bà H. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Hoàng O và ông Trương Chung H1 phải trả số nợ gốc 4.000.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 8/2020 cho đến nay, tạm tính là 800.000.000 đồng.

Ngày 14/4/2023, bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Trương Chung H1, nguyên đơn chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Hoàng O phải trả số nợ gốc 4.000.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án (ngày 16/12/2022) cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng O trình bày:

Ngày 22/8/2018, bà O được người quen giới thiệu đến nhà bà H để vay tiền, tại đây, bà H đưa cho bà O một tờ giấy mượn tiền đánh máy sẵn để bà O điền thông tin vào. Sau khi bà O viết thông tin xong và ký vào giấy mượn tiền với số tiền 4.000.000.000 đồng thì bà H nói hôm nay không đủ 4.000.000.000 đồng để cho vay, phải đợi bà H vay ngân hàng về mới đủ tiền cho vay, bà H cũng chưa ký tên vào giấy mượn tiền. Do không vay được tiền nên bà O đi về và vứt bỏ tờ giấy mượn tiền đã viết ra ngoài đường, bà H sử dụng tờ giấy mượn tiền mà bà O vứt bỏ để khởi kiện bà O là không có cơ sở.

Thực tế bà O chưa nhận số tiền 4.000.000.000 đồng của bà H, bà H cũng không chuyển khoản số tiền trên cho bà O; giữa các bên không xác lập văn bản về việc giao, nhận tiền vay; từ ngày 22/8/2018 cho đến nay, bà H không liên hệ với bà O để đòi tiền, thể hiện việc bà O không có khoản nợ nào đối với bà H. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Bị đơn ông Trương Chung H1 trình bày:

Ông Trương Chung H1 là chồng của bà Nguyễn Thị Hoàng O. Ông H1 không

biết việc vay tiền giữa bà O và bà Trần Thị Mộng H, ông H1 không ký tên vào giấy mượn tiền và không biết bà Trần Thị Mộng H là ai. Ông Trương Chung H1 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và đề nghị vắng mặt tại các buổi làm việc.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 83/2023/DS-ST ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột đã Quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 161, 162, 266, 271 và 273 BLTTDS.

Áp dụng Điều 463, 466 và 468 BLDS năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mộng H.

Buộc bà Nguyễn Thị Hoàng O phải trả cho bà Trần Thị Mộng H số tiền 4.176.438.000 đồng, trong đó 4.000.000.000 đồng nợ gốc và 176.438.000 đồng tiền lãi.

- Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mộng H, về nội dung yêu cầu ông Trương Chung H1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 4.000.000.000 đồng.

Án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ Thi hành án, biện pháp khẩn cấp tạm thời, chi phí giám định, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 26/5/2023, bị đơn là bà Nguyễn Thị Hoàng O kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ theo hướng hủy bản án để xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng như không hoãn phiên tòa để cho bị đơn đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; không lấy lời khai người làm chứng là Nguyễn Thị Hoàng Y – em gái bị đơn; không cho bị đơn tiếp cận chứng cứ..., đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo đúng quy định.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk:

-*Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS.

-*Về nội dung:* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận chữ ký, chữ viết trong "Giấy mượn tiền" mà nguyên đơn cung cấp là do bị đơn viết. Nội dung của "Giấy mượn tiền" thể hiện hai bên cùng thống nhất làm giấy mượn tiền, số tiền bên A cho bên B mượn là 4.000.000.000 đồng. Bị đơn cho rằng không nhận được tiền nhưng không có chứng cứ chứng minh. Kháng cáo của bị đơn là không có căn

cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1.1] Về nội dung kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, cụ thể: Chưa được tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải nên chưa được tiếp cận Giấy vay tiền đề ngày 22/8/2018; Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn đề nghị hoãn phiên tòa để đăng ký luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và lấy lời khai em gái bị đơn là Nguyễn Thị Hoàng Y nhưng không được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận. Xét thấy:

Sau khi nhận thông báo Thụ lý vụ án, đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn xin sao chụp tài liệu do nguyên đơn cung cấp và đã được Tòa án cho sao chụp theo đơn đề nghị (BL 15, 23). Tòa án cấp sơ thẩm đã giao Thông báo phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn (BL 25) nhưng bị đơn không làm việc, không ký biên bản (BL 39). Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn không nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Ngày mở phiên tòa sơ thẩm lần 2, bị đơn mới xin hoãn phiên tòa để đăng ký Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nên không thuộc trường hợp Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Mặt khác, bị đơn đã thực hiện quyền kháng cáo và đăng ký luật sư bảo vệ tại cấp phúc thẩm nên quyền tố tụng của bị đơn đã đảm bảo.

[1.2] Về nội dung kháng cáo cho rằng bị đơn không nhận bất cứ khoản tiền nào từ nguyên đơn, không có văn bản nào thể hiện nguyên đơn đã giao tiền cho bị đơn. Xét thấy:

Bản gốc "Giấy mượn tiền" đề ngày 22/8/2018 (BL 29) do Nguyên đơn giao nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện: bên cho vay là bà Trần Thị Mộng H, bên vay là bà Nguyễn Thị Hoàng O, số tiền vay là 4.000.000.000 đồng. "Giấy mượn tiền" không thể hiện lãi suất và thời hạn vay. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thị Hoàng O thừa nhận chữ ký, chữ viết tại giấy mượn tiền nêu trên là của bà Nguyễn Thị Hoàng O (BL 13a), nội dung trình bày của bị đơn phù hợp với kết luận tại bản Kết luận giám định số 381/KL-KTHS ngày 05/4/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk (BL 32), nên đại diện của bị đơn đề nghị giám định lại là không có căn cứ chấp nhận.

Bị đơn cho rằng chỉ viết và ký tên vào "Giấy mượn tiền" nêu trên mà không được nhận tiền vay, nên bị đơn đã cầm giấy mượn tiền về. Sau khi ra đường, bị

đơn vứt tờ giấy mượn tiền ra ngoài đường nên nguyên đơn nhặt lại để khởi kiện. Lời trình bày của bị đơn mâu thuẫn với nội dung đơn xin gia hạn thời gian giải quyết vụ án của bị đơn (BL 15), Bị đơn đề nghị gia hạn thời hạn với lý do thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh các khoản vay và các khoản đã trả.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định bà Nguyễn Thị Hoàng O có vay của bà Trần Thị Mộng H số tiền 4.000.000.000 đồng, buộc bà Nguyễn Thị Hoàng O phải trả cho bà Trần Thị Mộng H số nợ gốc 4.000.000.000 và trả tiền lãi tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án 16/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/5/2023, theo mức lãi suất 10%/năm là có căn cứ.

[1.3] Đối với yêu cầu của bị đơn, đề nghị lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Hoàng Yến – là em gái của bị đơn, thấy rằng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn không có bản khai nào thể hiện có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị Hoàng Y, chỉ cho rằng không nhận được tiền từ nguyên đơn. Nguyên đơn không thừa nhận có em gái bị đơn chứng kiến việc xác lập giấy mượn tiền. Mặt khác, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, việc lấy lời khai em gái bị đơn là không đảm bảo khách quan và không cần thiết.

[1.4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hoàng O đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại là không có căn cứ chấp nhận.

[2] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng O. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 83/2023/DS-ST ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2023/QĐ-BPKCTT, ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã có hiệu lực pháp luật và việc giải quyết yêu cầu hủy bỏ quyết định này được thực hiện theo quy định tại Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bà Nguyễn Thị Hoàng O phải chịu 300.000 án phí dân sự phúc thẩm, được

khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (do bà Nguyễn Thị Hoàng Y nộp thay) theo biên lai thu số 0002761 ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TANDCC tại Đà Nẵng;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND Tp Buôn Ma Thuột;*
- *Chi cục THADS Tp B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hường